

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Trung Hiếu

2. Bà Ngô Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lương Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Đặng Xuân C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Tôi và anh Đặng Xuân C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 28/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hoà hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng nên vợ chồng mâu thuẫn xảy ra. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2010 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, không thể hàn gắn với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 01 cháu Đặng Tuấn H, sinh ngày 28/12/2006. Khi ly hôn tôi và anh C thoả thuận. Anh C nuôi cháu H và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh C và anh C đã trực tiếp nhận. Sau đó Tòa

án đã gửi tiếp Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ anh C nhận hộ anh C. Bà M đã thông báo và giao văn bản đã nhận hộ anh C cho anh C theo yêu cầu của Tòa án. Anh C biết việc Tòa án báo gọi đến để giải quyết việc chị Nguyễn Thị Thanh H xin ly hôn anh. Nhưng anh C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Đặng Xuân C có trình bày: Hiện nay anh C đang đi làm xa không về Tòa án để xét xử vụ án được. Ý kiến của anh C về việc chị H xin ly hôn anh, anh C đồng ý và anh C có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Đặng Xuân C.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Đặng Tuấn H, sinh ngày 28/12/2006 cho anh Đặng Xuân C nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Xuân C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 28 tháng 6 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng

sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2010 sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hoà hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng nên vợ chồng mâu thuẫn xảy ra. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh C đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh C đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Đặng Tuấn H sinh ngày 28/12/2006. Khi ly hôn anh C nhận nuôi cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng nuôi con chung của anh C không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Đặng Xuân C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Đặng Tuấn H sinh ngày 28/12/2006 cho anh Đặng Xuân C trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Nguyễn Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0000953 ngày 07/11/2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã X
- Lưu HS-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng